

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH THPT THÔNG QUA VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN MỚI

Nguyễn Thị Thu

Tổ Ngữ văn, trường THPT Quỳnh Lưu 2 - Tỉnh Nghệ An

Tóm tắt: Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh THPT thông qua việc tổ chức hoạt động nói và nghe trong chương trình Ngữ văn mới là một trong những phương pháp dạy học nhằm tập trung làm rõ vai trò của năng lực ngôn ngữ đối với học sinh THPT trong chương trình Ngữ văn mới. Trên cơ sở khảo sát thực trạng nhận thức và thực hành về vấn đề phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh thông qua tổ chức các hoạt động nói và nghe ở trường THPT. Vì vậy, tác giả cho rằng việc đổi mới phương pháp nhằm phát triển toàn diện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết là rất cần thiết, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp tổ chức dạy học theo hướng tăng cường giao tiếp, tư duy ngôn ngữ và hoạt động trải nghiệm thực hành.

Từ khóa: Năng lực, năng lực ngôn ngữ, trường THPT

SOME SOLUTIONS FOR DEVELOPING LANGUAGE COMPETENCE FOR HIGH SCHOOL STUDENTS THROUGH ORGANIZING SPEAKING AND LISTENING ACTIVITIES IN THE NEW LITERATURE CURRICULUM

Abstract: Developing language competence for high school students through organizing speaking and listening activities in the new Literature curriculum is one of the teaching methods aimed at clarifying the role of language competence for high school students in the new curriculum. Based on a survey of current perceptions and practices regarding the development of students' language competence through speaking and listening activities in high schools, we believe that innovating teaching methods to comprehensively develop listening, speaking, reading, and writing skills is essential. Accordingly, we propose solutions for organizing teaching activities that promote communication, language thinking, and experiential practice.

Keywords: Competence, language competence, high school.

Nhận bài: 14/10/2025

Phản biện: 14/11/2025

Duyệt đăng: 18/11/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn là cuộc cách mạng được tiến hành trong ngành giáo dục từ nhiều thập niên qua nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của học sinh. Những nghiên cứu về phương pháp dạy học nói chung và dạy học Ngữ văn nói riêng gần đây đã quan tâm nhiều đến vấn đề phát triển năng lực, đặc biệt là năng lực ngôn ngữ cho học sinh. Từ những năm 1970 trở lại đây, việc giảng dạy ngôn ngữ càng ngày càng chuyển dần sang đường hướng phát triển năng lực. Đường hướng này được xem như là kết quả của một sự chuyển dịch từ quan điểm coi ngôn ngữ như một hệ hình cấu trúc sang quan điểm coi ngôn ngữ như một phương tiện giao tiếp. Quá trình phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ phải luôn luôn được thực hiện theo nguyên tắc lồng ghép bốn kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết. Một thực tế dễ nhận thấy là cấp học THPT - cấp học có vị trí quan trọng trong việc hoàn thiện các kỹ năng, năng lực, phẩm chất... trở thành “bệ phóng”, là hành trang để các em có thể trở thành một công dân tự chủ khi bước vào đời. Vì vậy, nếu giáo viên không chú trọng nâng cao kỹ năng giao tiếp cho học sinh thì các em sẽ không dám bộc lộ cá tính, quan điểm, ý kiến của riêng mình, dẫn

dẫn các em tự thu mình vào trong tập thể, trong “vỏ ốc” của chính mình. Do đó, việc nâng cao kỹ năng nói - nghe cho học sinh là rất quan trọng, giúp các em tự tin, mạnh dạn thể hiện quan điểm, ý kiến của mình.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm năng lực ngôn ngữ

Khái niệm năng lực giao tiếp (trước đây gọi là năng lực hoạt động ngôn ngữ) được Dell Hathaway Hymes (một nhà ngôn ngữ học, nhà xã hội học nước Mỹ) đưa ra và làm sáng tỏ. Ông cho rằng: “năng lực giao tiếp là năng lực biết khi nào nên nói, khi nào không nói điều gì, nói với ai, nói ở đâu, nói theo cách nào... và cách hiểu này nhanh chóng được chấp nhận.

Như vậy, năng lực ngôn ngữ chỉ là một phần của năng lực giao tiếp hay nói cách khác, các kỹ năng ngôn ngữ chỉ là những bộ phận của năng lực giao tiếp”.

2.2. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm

chuẩn bị cho con người năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ GV - HS theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực cho HS. Theo quan điểm phát triển năng lực, việc đánh giá kết quả học tập không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Đánh giá kết quả học tập cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Khác với chương trình định hướng nội dung, chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực tập trung vào việc mô tả chất lượng đầu ra, có thể coi là “sản phẩm cuối cùng” của quá trình dạy học. Việc quản lý chất lượng dạy học chuyển từ việc điều khiển “đầu vào” sang điều khiển “đầu ra”, tức là kết quả học tập của người học.

2.3. Năng lực ngôn ngữ trong hệ thống các năng lực cốt lõi phải hình thành và phát triển cho học sinh

Năng lực ngôn ngữ gồm những năng lực gì và nó được thể hiện ra sao trong học tập và đời sống của thế hệ trẻ? Năng lực ngôn ngữ của học sinh trung học gồm ba năng lực chủ yếu sau đây: năng lực làm chủ ngôn ngữ (tiếng Việt); năng lực sử dụng ngôn ngữ (tiếng mẹ đẻ) để giao tiếp; năng lực sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt) để tạo lập văn bản. Năng lực làm chủ ngôn ngữ đòi hỏi học sinh phải có một vốn từ ngữ nhất định, hiểu và cảm nhận được sự giàu đẹp của tiếng Việt, nắm được các quy tắc về từ ngữ, ngữ pháp, chính tả để sử

dụng tốt tiếng Việt. Năng lực giao tiếp ngôn ngữ đòi hỏi học sinh phải biết sử dụng thuần thục tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) để giao tiếp trong nhiều tình huống khác nhau với những đối tượng khác nhau trong gia đình, nhà trường và xã hội. Năng lực sử dụng ngôn ngữ để tạo lập văn bản là một năng lực đặc trưng rất quan trọng của năng lực ngôn ngữ trong nhà trường. Bởi mục đích cuối cùng của nó là để tạo ra được những văn bản chuẩn mực và đẹp. Đó là những văn bản nghị luận (gồm nghị luận chính trị xã hội và nghị luận văn học), những văn bản nghệ thuật (kể chuyện, tả cảnh, tả người) và những văn bản khác (viết báo, viết đơn, làm báo cáo,...).

2.4. Thực trạng nhận thức về vấn đề phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh thông qua tổ chức các hoạt động nói và nghe ở trường THPT

Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh thông qua tổ chức các hoạt động nói và nghe ở trường trung học phổ thông là một điều đáng được quan tâm. Học sinh biết vận dụng kiến thức tiếng Việt và kiến thức về bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng, triết học và quan niệm thẩm mỹ của các thời kì để hiểu các văn bản khó hơn; biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản, nhất là những tìm tòi sáng tạo về ngôn ngữ, cách tiếp cận kiểu văn bản; giúp học sinh có cách nhìn, cách nghĩ về con người và cuộc sống theo cảm quan riêng; thấy được vai trò và tác dụng của việc rèn luyện và phát triển năng lực ngôn ngữ đối với bản thân.

Nhóm đối tượng	SL HS	Rất hứng thú	Hứng thú	Không hứng thú
Lớp 10	84	74 HS (88.1%)	8 HS (9.5%)	0 HS
Lớp 11	84	62 HS (73.8%)	22HS (26.2%)	0 HS
Lớp 12	100	76 HS (76%)	22 HS (22%)	02

2.5. Thực trạng thực hành phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh thông qua tổ chức các hoạt động nói và nghe ở trường THPT

Năng lực tiếng Việt là năng lực sử dụng tiếng

Việt hiệu quả trong giao tiếp ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bao gồm: Năng lực nói; Năng lực nghe; năng lực đọc. Năng lực viết.

Nhóm đối tượng	SL HS	Rất thích thực hành	Thích thực hành	Không thích thực hành
Lớp 10	120	94 HS (78.3%)	26HS (21.7%)	0 HS
Lớp 11	240	200 HS (83.3%)	35HS (14.5%)	05HS(2.2%)
Lớp 12	150	100 HS (66.7%)	48 HS (32%)	02HS(1,3%)

2.6. Một số biện pháp rèn luyện, phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh thông qua việc tổ chức hoạt động nói và nghe

Thứ nhất: Biện pháp tạo tình huống cho học sinh bộc lộ năng lực ngôn ngữ hiện có
Xây dựng tình huống giao tiếp: GV cần tạo

ra nhiều tình huống có tính vấn đề, thiết thực để kích thích HS tích cực tham gia giải quyết vấn đề. Tình huống giao tiếp trải qua 3 trạng thái: Trao đổi thông tin; Tiếp xúc tâm lý; Hiểu biết lẫn nhau; Tác động ảnh hưởng lẫn nhau. Giáo viên chú ý Khả năng thích ứng, tham gia giao tiếp, quản lý giao tiếp, khả năng đồng cảm,

Chuyển giao nhiệm vụ điều hành hoạt động nói và nghe cho học sinh: Gv lựa chọn một chủ đề trong hoặc ngoài SGK, tuy nhiên chủ đề đó phải gần gũi, thiết thực với HS; hoặc GV trao quyền lựa chọn chủ đề cho HS. Nếu HS không đề xuất được chủ đề phù hợp, GV gợi ý một vài chủ đề cho HS lựa chọn. Đề tài lựa chọn có thể là kế thừa ở phần viết trước đó hoặc một đề tài hoàn toàn mới mà nhóm quan tâm ở hiện tại.

Yêu cầu HS chủ động chuẩn bị bài nói - nghe hoặc ý kiến phát biểu theo hướng dẫn của SGK: Trước khi HS chuẩn bị bài nói hoặc ý kiến phát biểu theo hướng dẫn của Sgk, GV cần cung cấp các tài liệu liên quan đến chủ đề của nhóm cho HS đọc, chọn lọc thông tin phù hợp để giải quyết nhiệm vụ học tập.

Đánh giá đề cương bài nói - nghe hoặc dàn ý ý kiến phát biểu của HS: GV chúng ta cần lưu ý trước khi tiến hành tổ chức một hoạt động nói, nghe là chúng ta phải cho HS soạn đề cương, GV đánh giá đề cương hoặc dàn ý ý kiến phát biểu cho HS để tạo nên buổi hoạt động nói và nghe thành công.

Theo dõi hoạt động nhóm của học sinh: Giáo viên nên tìm hiểu phân loại học sinh về nhận thức, năng lực, hoàn cảnh, phẩm chất làm tiền đề cho việc chia nhóm. Giáo viên theo dõi, can thiệp và điều chỉnh tiến trình hợp tác nhóm; tổ chức báo cáo và nhận xét tương tác nhóm;

Thứ hai: Biện pháp uốn nắn cách dùng từ trong bài nói - nghe hoặc bài phát biểu của bạn

Cho học sinh trao đổi, phát hiện những lỗi về dùng từ trong bài nói hoặc trong ý kiến phát biểu của bạn: Trong khi nói HS thường mắc các lỗi về cách dùng từ không hợp lý, không rõ nghĩa. Các từ ngữ các em sử dụng thiếu sự lựa chọn, không được gọt giũa; dùng nhiều từ địa phương; từ tối nghĩa,...

Hệ thống hoá những lỗi học sinh thường gặp trong khi trình bày bài nói - nghe hoặc bài phát biểu: Các em không trình bày được một cách chính xác ý định của mình, trình bày sai nội dung, ngữ nghĩa thiếu lôgic, thiếu chặt chẽ. Nguyên nhân là do trong khi nói, khi giao tiếp là do HS còn lúng túng trong khi nói; HS chưa làm chủ kiến thức

mình nói, vốn ngôn từ còn nghèo, thêm nữa là các em tâm lý chưa bình tĩnh dẫn đến khi các em nói không trôi chảy, không rõ ràng nên người nghe khó tiếp nhận điều mình nói. Điều đó dẫn đến hoạt động nói sẽ thất bại.

Dành đủ thời gian cho việc sửa một lỗi cụ thể khi trình bày bài nói - nghe của HS: GV sắp xếp thời gian hợp lý, phù hợp với nội dung bài học để HS vừa hiểu được kiến thức bài học vừa rèn luyện được kĩ năng bài học. Đó vừa là yêu cầu về mặt kiến thức vừa là yêu cầu về mặt kỹ năng của một giờ học Ngữ văn nói chung.

Chú ý kết hợp sửa lỗi cho một học sinh và cho tất cả mọi người trong lớp: GV kết hợp sửa lỗi cho một HS cũng là để sửa lỗi cho tất cả các em trong lớp. GV sửa cho em A nhưng không chỉ cho em A. GV cần nói rõ cụ thể rằng em B, em C, em D cũng mắc lỗi này, vì vậy, chúng ta cần tập trung suy nghĩ về trường hợp của bạn A để rút ra kinh nghiệm chung.

Hình thành ý niệm về con đường rèn luyện khả năng nói - nghe cho HS: Nói: Cần rõ ràng, chính xác cần có vốn từ vựng phong phú, sử dụng linh hoạt và hiệu quả các kiểu câu khác nhau, nói rõ ràng, mạch lạc, chính xác, tự tin và đúng ngữ điệu;... Nghe: Lắng nghe để hiểu và chắt lọc được thông tin quan trọng, bổ ích từ các bài nói để rèn luyện khả năng nói, khả năng trình bày của mình tốt hơn.

Thứ ba: Biện pháp phát triển kỹ năng diễn đạt trong hoạt động nói - nghe vừa hay và vừa sinh động cho học sinh

Dùng hình thức “thị phạm” (cho học sinh xem - nghe các clip phù hợp hoặc dự khán các diễn đàn): cho HS xem và nghe các clip) để các em học hỏi, nắm bắt cách trình bày bài nói, cách diễn đạt trước mọi tình huống trong cuộc sống. GV cho các em xem những đoạn video về các bài nói của các phát thanh viên truyền hình ở các chương trình lớn như thời sự; các bài phát biểu trước quốc hội,...

Xác định tiêu chí đánh giá kỹ năng nói - nghe theo các yêu cầu nâng cao dần: Xây dựng tiêu chí đánh giá cách nói - nghe theo yêu cầu nâng cao dần: từ đúng, hay đến độc đáo.

Có kế hoạch bồi dưỡng những HS có năng khiếu thực sự về thuyết trình: Bồi dưỡng HS có năng khiếu thuyết trình tuân thủ theo các bước: Nghe – rút kinh nghiệm – tập thuyết trình.

2.7. Kiến nghị

Với cấp quản lý: Cần tạo điều kiện tổ chức các hoạt động nhằm bồi dưỡng nâng cao nhận thức về phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS, đặc biệt là năng lực ngôn ngữ. Luôn

chú trọng tiêu chuẩn đánh giá một giờ dạy học hướng vào người học, kết quả cung cấp kiến thức bài học và hình thành kỹ năng, năng lực HS. Các cấp quản lý nên tổ chức nhiều trải nghiệm thực tế nói - nghe ở các trường để vận dụng tốt phương pháp dạy học tích cực cho HS dễ hiểu, dễ học tập và thuận lợi trong thực hành nói - nghe.

Với nhà trường: Cần nâng cao nhận thức về hoạt động giáo dục phát triển năng lực HS theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để từ đó có biện pháp chỉ đạo hợp lý trong quá trình dạy và học. Tăng cường các giờ dạy thao giảng, hội giảng.

Với Giáo viên và học sinh: GV phải nâng cao vốn hiểu biết, phải tu dưỡng về đời sống tâm hồn. GV cần có kỹ năng dạy học và vận dụng kỹ năng dạy học vào từng bài học hợp lý. GV luôn phải nỗ lực cả nhân cách lẫn cách dạy để khơi dậy trong các em hứng thú học tập. Thiếu một trái tim nhiệt huyết, thiếu một sự am hiểu sâu sắc về chuyên môn và nghiệp vụ người GV không thể giảng dạy tốt và có trách nhiệm. Giáo viên cần chú ý kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực khác để hình thành và phát triển năng lực cho học sinh một cách toàn diện.

III. KẾT LUẬN

Thông qua các biện pháp đã áp dụng, giáo viên nhận thấy tất cả học sinh từ yếu đến khá, giỏi đều được tham gia vào quá trình nói và nghe. Các em được bày tỏ và ghi nhận ý kiến trong quá trình thảo luận nhóm, thuyết trình, tranh biện... Quá trình này diễn ra thường xuyên, liên tục, giúp các em nâng cao được năng lực nói, lắng nghe, chia sẻ, phản biện có lập luận khoa học để bác bỏ những luận điểm sai lầm. Những thay đổi tích cực từ phía học sinh tiếp thêm động lực cho giáo viên ngày càng tâm huyết với nghề, tích cực đổi mới phương pháp dạy học có hiệu quả. Sau một thời gian áp dụng tại các lớp ở trường, tác giả thấy học sinh hứng thú, hoạt động tích cực hơn, được tạo nhiều cơ hội để bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, ý kiến... cá nhân về một vấn đề được giáo viên định hướng hoặc một chủ đề trong tiết học. Các em đã biết nói, nghe đúng trọng tâm vấn đề, biết lựa chọn sử dụng từ ngữ phổ thông chính xác, đạt hiệu quả cao... Đặc biệt khơi dậy được sự tự tin, khả năng sử dụng ngôn ngữ, diễn đạt, cảm xúc của mình trong học tập và đời sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê A, Lê Phương Nga, Lê Hữu Tinh, Đỗ Xuân Thảo (1995), *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học (giáo trình đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Tài liệu về Đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn PTTH*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và đào tạo (2007), *Kỹ yếu hội thảo khoa học dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông theo CT và SGK mới*, Nxb Nghệ An.
- Nguyễn Cảnh Toàn (2002), *Một số vấn đề cách dạy và cách học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hà Bình Trị (2001), “*Thực trạng dạy học Ngữ Văn ở THPT*”, Tạp chí Giáo dục, (10).
- Trịnh Xuân Vũ chủ biên (2002), *Phương pháp dạy - học văn ở bậc trung học*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.